

Bản án số: 92/2023/HS-PT
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Chấn.

Các Thẩm phán:

- Ông Phạm Tấn Tài;
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Huyền.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

- Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên;
- Bà Phạm Huỳnh Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 160/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo Huỳnh Thị T1, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị Hồng N, Trương Thị T3 do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2023/QĐXXPT-HS ngày 18/8/2023.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Huỳnh Thị T1, sinh năm 1982; Nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp M, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; cha: Huỳnh Văn H (đã chết); mẹ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949; anh, chị, em ruột: 05 người, bị cáo là người thứ năm; chồng: Huỳnh Văn S (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1980; bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 01/10/2021 bị Công an huyện (nay là thị xã) T, tỉnh An Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

- Bị cáo được cho tại ngoại;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Thái Thị Thanh T2 (Đ), sinh năm 1982; nơi sinh: thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; cha: Thái Văn H2, sinh năm 1959; mẹ: Nguyễn Thị T4, sinh năm 1962; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là người thứ hai; chồng: Biện Huy C, sinh năm 1976; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2002;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 25/02/2022, bị Công an xã A, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh An Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

- Bị cáo được cho tại ngoại;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1986; nơi sinh: thị xã T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 5/12; cha: Huỳnh Văn M, sinh năm 1966; mẹ: Nguyễn Thị Bé T5, sinh năm 1967; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; chồng: Danh S1, sinh năm 1986; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 13/11/2021 bị Công an xã V, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh An Giang xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

- Bị cáo được cho tại ngoại;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Thị T3, sinh năm 1997; Nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/12; cha: Phan Văn S2 (đã chết); mẹ: Trương Thị Đ1, sinh năm 1977; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; chồng: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1991 (chết); bị cáo 02 người con, lớn sinh năm 2016; nhỏ sinh năm 2022;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 22/6/2021 bị Công an xã N, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh An Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4 đến 05/4/2023 được cho tại ngoại;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Huỳnh Văn S, Trần Văn T6 (H3), Lâm Văn L, Phạm Thị Thúy K1, Trần Văn C1, Võ Văn N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2022, Công an huyện (nay là thị xã) T kết hợp cùng với Công an xã A tiến hành bắt quả tang tụ điểm đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu được ăn thua bằng tiền tại khu đất gò thuộc tổ A, ấp X, xã A, huyện (nay là thị xã) T do Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị T1 và Trần Văn T6 tổ chức. Tại đây, lực lượng công an bắt quả tang S, T1, Lâm Văn L, Huỳnh Thị Hồng N, Trần Thanh C2, Thái Thị Thanh T2, Phạm Thị Thúy K1, Trương Thị T3, Võ Văn N1 đang tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu được ăn thua bằng tiền cùng tang vật, gồm:

- Tiền thu giữ trên chiếu bạc 3.000.000 đồng.
- Tiền thu giữ xung quanh chiếu bạc 10.400.000 đồng, do các con bạc khi bỏ chạy làm rơi lại.
- Tiền thu giữ trên người của Lâm Văn L 110.000 đồng.
- Tiền thu giữ trên người Huỳnh Thị Hồng N 4.500.000 đồng
- Tiền thu giữ trên người của Phạm Thị Thúy K1 655.000 đồng
- Tiền thu trong thùng gỗ tại chiếu bạc 14.200.000 đồng (tiền bão).
- 01 đĩa sành bằng sứ, 01 nắp nhựa, 03 hột xí ngầu, 01 tấm gỗ hình vuông; 01 tấm giấy ép mặt trong có vẽ số 1, 2, 3, 4, 5, 6; 20 miếng long đèn B; 06 lá bài Tây; 04 tấm bạt (01 tấm dùng để ngồi, 03 tấm dùng để che mưa); 05 ghế nhựa thấp; 01 đèn năng lượng mặt trời dùng để chiếu sáng.

Qua quá trình điều tra xác định: Do thất nghiệp không có tiền tiêu xài, nên S cùng với T1 (vợ của S), T6 (con rể S) tổ chức đánh bạc dưới hình thức lặc tài xỉu được ăn thua bằng tiền, nhằm mục đích để lấy tiền xâu (chia đôi tiền bão với nhà cái).

Để thực hiện, khoảng 11 giờ ngày 09/5/2022, S cùng với T1 chuẩn bị các dụng cụ 01 tấm gỗ hình vuông, 01 tấm giấy ép mặt trong có vẽ số 1, 2, 3, 4, 5, 6; 20 miếng long đèn B; 06 lá bài Tây; 04 tấm bạt (01 tấm dùng để ngồi, 03 tấm dùng để che mưa), 05 ghế nhựa thấp; 01 miếng nam châm (dùng để kiểm tra hột xí ngầu khi nhà cái lặc tránh gian lận và hút gom lại các miếng long đèn), 01 đèn năng lượng mặt trời dùng để chiếu sáng, 01 thùng gỗ hình vuông để xâu tiền bão đến khu đất gò thuộc tổ A, ấp X, xã A, huyện (nay là thị xã) T, để tổ chức đánh bạc bằng hình thức lặc tài xỉu được ăn thua bằng tiền. Nhằm tránh sự phát hiện của Lực lượng Công an, S phân công T6 có nhiệm vụ sử dụng xe mô tô biển số 67F1 – 461.85 chở L, N1, T2, T3 và một số người chơi đánh bạc vào điểm của S đã chuẩn bị, còn S điện thoại rủ Lâm Văn L đến làm cái, lặc tài xỉu ăn thua bằng tiền.

Khi đánh bạc S có nhiệm vụ đi xung quanh cảnh giới và lấy tiền xâu bỏ vào thùng gỗ khi nhà cái lặc ra chén bão, còn T1 bán nước giải khát phục vụ cho những người tham gia đánh bạc và lấy tiền xâu từ nhà cái bỏ vào thùng gỗ lúc S không có mặt tại sòng tài xỉu.

Đến khoảng 14 giờ ngày 09/5/2022, L mang theo 2.110.000 đồng đến địa điểm trên làm cái lắc tài xỉu, còn Võ Văn N1 đi theo L có nhiệm vụ giữ các dụng cụ lắc tài xỉu cho L (09 hột xí ngầu, 01 chén sành và 01 nắp úp), khi nào đánh bạc thắng L sẽ cho tiền N1. Cùng lúc này, C2 mang theo 1.700.000 đồng, N mang theo 4.000.000 đồng, T2 mang theo 100.000 đồng, K1 mang theo 655.000 đồng, T3 mang theo 100.000 đồng cùng một số con bạc khác đến tham gia chơi tài xỉu do L làm cái lắc. Trong thời gian L lắc tài xỉu, S lấy tiền xâu được 400.000 đồng và T1 lấy tiền xâu được 300.000 đồng bỏ vào thùng gỗ. Sòng tài xỉu chơi đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, thì Lực lượng Công an đến bắt quả tang S, T1, L, N, C2, T2, K1, T3 và N1 như nội dung vụ án, còn một số con bạc khác lợi dụng tình trạng hỗn loạn chạy thoát.

Ngày 08/12/2022, Huỳnh Văn S và Lâm Văn L bị khởi tố, điều tra.

Ngày 02/02/2023, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Phạm Thị Thúy K1 và Trương Thị T3 bị khởi tố, điều tra.

Ngày 17/02/2023, Trần Thanh C2 bị khởi tố, điều tra.

Ngày 24/02/2023, Trần Văn T6 và Võ Văn N1 bị khởi tố, điều tra.

* Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSTB- HS ngày 21/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo:

- Huỳnh Văn S, Trần Văn T6 (H) về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Huỳnh Thị T1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo các điểm d, đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Lâm Văn L, Phạm Thị Thúy K1, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị Hồng N, Trần Thanh C2, Võ Văn N1, Trương Thị T3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị T1, Trần Văn T6 (H) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Lâm Văn L (L), Phạm Thị Thúy K1, Thái Thị Thanh T2 (Đ), Huỳnh Thị Hồng N, Trần Thanh C2, Võ Văn N1, Trương Thị T3 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2022.

2. Căn cứ: Các điểm d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T6 01 (Hon) (một) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/6/2023.

Giao bị cáo Trần Văn T6 cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2022.

5. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn N1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/6/2023.

Giao bị cáo Võ Văn N1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thúy K1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/6/2023.

Giao bị cáo Phạm Thị Thúy K1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Căn cứ: khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh C2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/6/2023.

Giao bị cáo Trần Thanh C2 cho Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Thái Thị Thanh T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Hồng N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

10. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị T3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/4/2023 – 05/4/2023).

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26, 27/6/2023 và ngày 04/7/2023 các bị cáo Huỳnh Thị T1; Thái Thị Thanh T2; Huỳnh Thị Hồng N và Trương Thị T3, kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04/7/2023 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSTB.HS, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS- ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang, về việc áp dụng pháp luật và hình phạt. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án, theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử. Các bị cáo T1, N, T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Trương Thị T3 kháng cáo xin phạt cải tạo không giam giữ, với lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, chồng bị bệnh chết, đang nuôi 02 con còn nhỏ, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2022.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yêu cầu kháng cáo và quyết định kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Kháng cáo của các bị cáo có nội dung, yêu cầu rõ ràng, trong hạn luật định; Quyết định kháng nghị có bố cục, nội dung và thẩm quyền đúng theo quy định, trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo T1 có vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án; bị cáo T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù bằng hình phạt với các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Trương Thị T3 và Thái Thị Thanh T2 cùng phạm tội “Đánh bạc” là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và phân hóa vai trò đồng phạm trong vụ án nên quyết định hình phạt chưa đúng Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo T1 phạm tội với 02 tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa đúng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, dẫn đến mức hình phạt đối với bị cáo T1 là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, kháng Nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang là có cơ sở chấp nhận.

Các bị cáo Huỳnh Thị T1; Thái Thị Thanh T2; Huỳnh Thị Hồng N kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, hơn nữa các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc, không đủ điều kiện để được hưởng án treo quy định, nên không có cơ sở chấp nhận. Lẽ ra, cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo T3, tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị bệnh chết, đang nuôi 02 con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà buộc bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị T1; Thái Thị Thanh T2; Huỳnh Thị Hồng N. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Thị T3.

- Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 20/6/2023 của

Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang, tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị T1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T1 01 năm tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định; Quyết định kháng nghị đúng thẩm quyền, trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Huỳnh Thị T1 về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 322; các bị cáo Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T thì thấy:

Các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1, Trương Thị T3 đều là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc để cho nhiều người tham gia đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật. Nhưng vì háms lợi, ham mê cờ bạc mà các bị cáo bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện. Lẽ ra, các bị cáo phải sống một cuộc sống lương thiện, gương mẫu, làm công dân có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lại không làm điều đó, mà với bản chất lười biếng lao động, tham lam tư lợi, đã tổ chức đánh bạc và đánh bạc số lô, số đề... được thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh tại địa phương. Do đó, cần phạt các bị cáo với mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Huỳnh Thị T1:

Bị cáo đã cùng với bị cáo Huỳnh Văn S bàn bạc việc tổ chức đánh bạc để lấy tiền xâu, rồi cùng nhau chuẩn bị trang thiết bị, các công cụ trợ giúp cho việc đánh bạc, bị cáo đã trực tiếp lấy tiền xâu bỏ vào thùng gỗ và bán nước giải khát phục vụ cho những người đánh bạc. Đây là hành vi giúp sức rất tích cực cho bị cáo S thực hiện tội phạm, có thể xem xét bị cáo có vai trò tương đương với bị cáo S. Hơn nữa,

bị cáo đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” (có khung hình phạt từ 01 đến 05 năm tù) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù bằng hình phạt với các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Trương Thị T3 và Thái Thị Thanh T2 cùng phạm tội “Đánh bạc” (có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù) là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và phân hóa vai trò đồng phạm trong vụ án, nên quyết định hình phạt chưa đúng theo quy định tại các Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã phạm vào 02 tình tiết định khung hình phạt được quy định tại d, điểm đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa đúng quy định của điều luật quy định, dẫn tới việc tuyên phạt bị cáo với mức hình phạt nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương. Vì vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang là có cơ sở chấp nhận và không có căn cứ xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Trương Thị T3:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, thỏa đáng, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Hơn nữa, các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc, nhưng bản thân không chịu biết hối lỗi còn tiếp tục phạm tội, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã xem xét và áp dụng, nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Lẽ ra, cần giữ nguyên mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo T3, tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, không có nghề nghiệp ổn định, là lao động duy nhất trong gia đình, chồng chết, phải nuôi hai con còn nhỏ đang cấp sách đến trường. Nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nuôi dưỡng, giáo dục con cái, trở thành người có ích cho xã hội, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà buộc bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Thị T3 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị T1; Thái Thị Thanh T2; Huỳnh Thị Hồng N xin được hưởng án treo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Thị T3 xin phạt cải tạo không giam giữ.

Chấp nhận Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị T1.

1. Căn cứ: Các điểm d, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T1 01 (một) năm tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

- Bị cáo Huỳnh Thị Hồng N 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Bị cáo Thái Thị Thanh T2 06 (sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Căn cứ: khoản 1 Điều 321, các điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị T3 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 03/4/2023 đến ngày 05/4/2023. (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Giao bị cáo Trương Thị T3 cho Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Ô trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự.

4. Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Thị Hồng N, Thái Thị Thanh T2, Huỳnh Thị T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã T;
- TAND thị xã T;
- CQCSĐT thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- PV 06 - Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Chấn